

PHẨM 20: PHẠM HẠNH (PHẦN 3)

Đầu quyển là nói về phần thứ hai, là nói về nghĩa có hỏi và đáp. Hỏi có hai câu là hỏi về đồng thể gian và hỏi về khác thể gian mà không biết.

Đáp có hai là chánh đáp và kết luận. Đáp có ba ý: Một, là nói khác thể gian; hai, là nói đồng với thể gian; ba, là chẳng phải thể gian, chẳng phải xuất thể gian.

Là khác tức thể gian chẳng biết mười hai thể loại kinh điển.

Hoặc là đồng tức thể gian gượng chấp vi trần v.v... nên sinh khởi vọng chấp thế giới hữu biên là chung, chấp thế giới vô biên là vô chung. Tất cả đều là đoạn thường. Xưa có hai cách giải thích vô thủ vô chung: một, là nói vô thủ vô minh hoàn toàn không có đầu cuối; hai, là nói vô thủ vô minh có đầu có cuối. Không có một khởi đầu nào ở chỗ đầu tiên của vô thủ này. Cho nên biết có thủ mà lại chung cuộc ở quả Phật. Hai cách giải này đồng với vọng chấp đoạn thường. Trong mười một không, nói vô thủ không để phá thủ chung ở đây.

Từ câu “Việc như thế v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba nói chẳng phải thế và xuất thế.

Nếu Bồ-tát biết mà phỉ báng nói chẳng biết, tức là phỉ báng người; nói không có Bồ-đề tức là phỉ báng pháp.

Kế là như văn kinh ghi.

Từ câu “Bấy giờ, Ca-diếp v.v...” trở xuống là phần thứ tư nói kệ kết luận và khen ngợi. Có người cho rằng hai câu đầu là khen ngợi đại Từ, tám câu cuối cùng là kết luận. Nay cho rằng hai câu đầu thì như trên nói; hai hàng kệ là khen ngợi đại Bi; sáu câu kệ là khen ngợi đại Hỷ; vui vì xa lìa nên nói chẳng phát; vui vì đạt được nên nói là cam lộ.

Từ câu “chúng sinh đã uống v.v...” trở xuống gồm hai câu là khen ngợi đại xả; kệ là bốn câu kết luận, như văn kinh có ghi.

Từ câu “Nói kệ này rồi v.v...” trở xuống là phần thứ ba nói giới là phạm hạnh. Khai Thiện nói rằng: Trước nói về phạm hạnh sâu xa, còn ở đây nói phạm hạnh cạn mỏng”, nghĩa này chẳng đúng, vì giới là gốc, nên mới có thể hóa tha. Theo văn có ba: một, là trì giới; hai, là hộ pháp; ba, là nói sáu niệm. Vì trì giới nên mới hộ pháp, vì hộ pháp nên mới tu niệm. Ba pháp thứ lớp thành tựu cho nhau, vì pháp vốn như thế. Về văn nói trì giới có hai là trì giới và được mất. Văn thứ nhất có hỏi đáp. Hỏi có hai câu là lãnh chỉ và chánh thức hỏi.

Vấn hỏi có hai, trước hỏi đồng với thể gian.

Nếu thế gian chẳng thấy, chẳng hiểu biết, lẽ ra Bồ-tát chẳng thấy, chẳng hiểu biết.

Kế là hỏi về khác với thế gian.

Phật trả lời có hai: Một là chia ra hai chương; hai là giải thích hai chương.

Từ câu “Ông nói v.v...” trở xuống là giải thích hai chương. Trước nói về chẳng khác, tức giải thích chương đồng.

Ông nói có gì khác, nay ta sẽ giảng rõ. Nếu có người nam hay người nữ nghe kinh Niết-bàn này mà kính tin phát tâm Vô thượng Bồ-đề thì gọi là Bồ-tát thế gian. Tất cả người thế gian chẳng thấy, chẳng hiểu biết Bồ-tát này thì cũng đồng với thế gian, chẳng thấy, chẳng hiểu biết.

Có đồng có khác, chẳng phải một bề đồng nhau. Như văn có ghi.

Từ câu “Bồ-tát v.v...” trở xuống là thứ hai giải thích môn Di Chương. Có hai ý: Một, là nói vì nghe kinh cho nên được ba pháp; hai, là nói ba pháp giúp nhau.

Văn thứ nhất nói có ba pháp lấy giới làm gốc. Từ câu “Vì tu tuệ v.v...” trở xuống là đoạn thứ hai nói về ba pháp giúp nhau, vì văn kinh đã lược bớt nên chỉ nói có hai. Đầu tiên là nói tuệ giúp cho giới.

Thứ hai, nói về giới giúp cho tuệ.

Từ câu “Ca-diếp v.v...” trở xuống là đoạn thứ hai, nói rộng về được mất. Có hỏi và đáp.

Lời đáp có hai: Trước nêu chẳng thanh tịnh trì giới thì chẳng thể giúp nhau, kế đó nói về tịnh giới là đáp câu hỏi. Thứ nhất, đầu tiên nói về bất tịnh, sau nói không giúp nhau.

Có bốn thứ bất tịnh: Một, là vì cầu phước hữu lậu như Nan-đà; hai là tánh bất định, hoặc có lúc giữ được, có lúc chẳng giữ được; ba, là chẳng rốt ráo, chẳng thể giữ gìn từ đầu đến cuối; bốn, là chẳng vì chúng sinh không rộng lớn, chỉ hạn cuộc ở tự thân, không gồm lợi tha.

Từ câu “Bồ-tát v.v...” trở xuống là phần thứ hai nói về tịnh giới, là chánh thức đáp câu hỏi. Có hai đoạn: trước nói về tịnh giới, sau nói về giúp lẫn nhau.

Cũng có bốn thứ thanh tịnh, nói giới chẳng phải giới là đối đãi với ý không có đầu cuối ở trước; giới, chẳng phải giới thì chẳng phải năm giới, luật nghi, v.v... mà lấy vô giới, vô giữ làm giới, đây là giới rốt ráo thanh tịnh.

Từ câu “Bồ-tát đối với tịnh giới v.v...” trở xuống là đoạn hai nói về năng lực giúp nhau. Có hai: Một, là ba pháp giúp nhau; hai, là năm

pháp giúp đỡ. Trong phần giúp nhau theo thứ lớp xoay vần giải thích các câu ở trước. Có hai phần: Một, là trước nói do giới, giải thích chẳng hối hận, gồm có pháp, dụ và hợp.

Có ba dụ.

Kế là từ câu “Vì tịnh giới v.v...” trở xuống là giải thích vui mừng. Có hai ý nói về ba tướng và nói về ưa thích. Văn thứ nhất có ba: Đầu tiên nói về trì giới thì vui mừng; thứ hai là nói hủy giới thì lo buồn; thứ ba là nói hai nghĩa. Hai văn trước đều có pháp, dụ và hợp.

Thứ ba, nói chung là trì và phạm mỗi văn đều có pháp, dụ và hợp.

Bồ dụ cho kinh giáo, người nữ dụ cho người học giáo, người cầm bình đựng chất lạc dụ cho kẻ phá giới, người cầm bình đựng sữa đặc dụ cho người trì giới. Đến thành bán dụ cho cả hai cầu quả tương lai, dùng nhân mua quả. Vấp chân té ngã là dụ cho qua đời, hai bình đều vỡ dụ cho thân hoại, vui vẻ và lo buồn là dụ cho phá giới và trì giới. Sữa đặc tức là lấy được chất bơ, còn các chất khác thì ít hay chẳng có cũng được. Đây là dụ cho người giữ giới đã tu được vị đạo, chỉ còn tuổi thọ dư thừa, mạng còn cũng tốt, mạng mất cũng chẳng hề gì. Như thế thì chất lạc chưa hoàn toàn lấy được chất bơ, nếu mất chất lạc thì chất bơ đó cũng chẳng còn, dụ cho người phá giới chưa được tu đạo, nếu qua đời thì đạo cũng mất nên lo buồn sợ hãi.

Kế là từ câu “Người giữ giới v.v...” trở xuống là hợp dụ.

Từ câu “Vì tâm vui mừng v.v...” trở xuống là giải thích sự vui mừng, gồm có hai phần là chánh giải thích và nói về nghĩa.

Nói về nghĩa trước hỏi, sau đáp.

Trong phần đáp có bốn lời giải thích, sau dần dần chuyển sâu thành Đại Niết-bàn, tất cả đều từ giới, nhưng trong năm thọ căn thì lạc cạn hỷ sâu. Mỗi thọ đều có chỗ y cứ riêng, ở đây đồng với chi thiền.

Thứ hai nói năm pháp giúp đỡ.

Nay nói được năm Niết-bàn, tức xa lìa năm ấm. Niết-bàn chẳng phải là năm, mà thoát khỏi sự trói buộc của năm ấm nên gọi là năm Niết-bàn.

Từ câu “Nếu đệ tử v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về hộ pháp, hộ pháp tức hộ giới. Hộ giới vững chắc tức trì giới. Trì giới chẳng bền là do không hộ pháp. Văn có hai phần:

Quở trách phá giới.

Khuyên hộ pháp.

Quở trách phá giới lại có ba: một, là quở trách phá giới; hai, là

quả trách mong cầu; ba, là quả trách chấp thị xứ phi xứ. Những người cực ác thì không hơn kẻ phá giới, nên chẳng có mảy may công dụng. Như văn kinh ghi: “Thà rằng chẳng thọ, chẳng biết chứ không nên hủy giới mà thọ đọa”.

Hỏi: Văn trên nói là người tội tứ khuyên bảo khiến họ đọa tụng. Văn này lại nói thà rằng chẳng thọ, chẳng trì. Hai văn trái nhau, vì sao?

Đáp: Ở đây mỗi văn đều có ý riêng. Trước thì nói dẫn dắt người ở một trăm phương khiến được vào, ở đây là khuyên răn hàng phạm phỉu cản, giúp cho không hủy phạm giới khác.

Đầu tiên là quả trách, chẳng ngoài ba nghiệp, trước quả trách thân, kế là quả trách tâm, sau là quả trách miệng. Văn thứ nhất nói nếu người thọ trì giới cấm có đệ tử cũng học vị thầy này mà tự mình đã chẳng ưa thích chánh, thì lời nói ban ra chẳng nghiêm.

Kế là từ câu “Nếu đệ tử v.v...” trở xuống là phần thứ hai quả trách cầu hữu lậu.

Nếu cầu ba hữu thì gọi là xem thường, chẳng cầu quả báo gọi là trầm phiêu, mong cầu hữu mà tu nhân gọi là vì hữu tạo nghiệp.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là lần quả trách thứ ba.

Lìa thị xứ phi xứ, tức xem xét có thể mở mang truyền bá Phật pháp thì nên xa lìa chỗ phi pháp này. Tuy chẳng nói khi không có tỉnh mà lại làm người bạn chẳng tỉnh của chúng sinh, như thế thì mâu thuẫn ư? Giải thích rằng: “Sự thì phải thích ứng thời cơ nên nay phải tỉnh”, chớ diệt pháp mà nói, chẳng trì giới mà nói, chẳng hộ pháp mà nói là diệt Phật pháp mà nói. Hưng thịnh thế pháp mà nói tức là cầu phước hữu lậu, tạo nghiệp mà nói, có nhiều cách giải khác, như nói rằng: Thêm vào thi văn sách của thế gian để khiến cho người chẳng tin là làm hưng thịnh thế pháp, nay cũng nói như thế, trong lời giảng nói làm cho khổ thêm nhiều khổ, gọi là hưng thịnh thế pháp.

Từ câu “Nếu muốn thọ trì v.v...” trở xuống là phần thứ hai, khuyên bảo, khen ngợi hộ pháp.

Có người nói rằng: Đầu tiên nêu mười trí, kế là khuyên tịnh tâm. Nay cho rằng đầu tiên nêu tự tha. Thọ trì nghĩa là tin nên nhận, chẳng quên sót là trì, tức chỉ cho tự hành, miệng giảng nói tức là hóa tha. Đó là tông thể, hạnh giáo, dụng quả của Niết-bàn. Trước nói Phật tánh là tông, sau nói thấy tánh là quả, cả hai đều khiến ba nghiệp thanh tịnh.

Kế là từ câu “Này người thiện nam v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói về sáu niệm. Trong kinh Đại Phẩm nói về mười niệm, tám niệm.

Tiểu thừa cũng nói sáu niệm, tức sáu lời xứng niệm vào lúc sáng sớm: Một, là nghĩ hôm nay là ngày tháng năm nào; hai, là nghĩ đến ngày tháng số năm giới lạp; ba, là nghĩ đến pháp khát thực; bốn, là nghĩ đến ba y, nếu dư thì nên thuyết tịnh; năm, là chẳng nghĩ nên thọ thực riêng với chúng; sáu, nghĩ bị bệnh thì nên chữa trị, mỗi thứ có ý riêng. Còn sáu niệm nói ở đây là vì người tu hành phạm hạnh sống ở núi rừng có tâm sợ hãi mà lập ra để khiến họ tu tập. Ba niệm trước là niệm tha, ba niệm sau là niệm tự. Trong đó giới thí là nhân tự hành, sinh lên cõi trời là quả của tự hành. Giới là dứt ác, thí là làm lành. Quả sinh lên cõi trời thì có quả gần và quả xa.

Văn gồm có hai đoạn:

Nêu số và nêu chương.

Từ câu “Vì sao? v.v...” trở xuống là giải thích sáu niệm này, gồm sáu chương. Chương nhớ nghĩ Phật, gồm có hai là nhớ nghĩ quả Phật và nhớ nghĩ nhân Phật. Nghĩ đến nhân là nghĩ nhớ đến nhân quá khứ, nghĩ đến quả là nghĩ đến quả hiện tại. Nghĩ đến do nhân gì mà đạt được đến quả hôm nay. Nghĩ đến quả gồm có bốn phần là nêu hai chương và giải thích hai chương. Đầu tiên là lập hai chương và mười hiệu các đức, kế là giải thích hai chương ấy. Giải thích mười hiệu là giải thích nghĩa của danh, giải thích các đức là giải nghĩa của thể.

Thứ nhất, là nêu mười hiệu.

Thứ hai từ câu “thường chẳng thay đổi v.v...” trở xuống là chương nêu các đức.

Thứ ba, từ câu “Vì biết pháp v.v...” trở xuống là giải thích các đức.

Các đức nêu trước đều lược bỏ không nói, chỉ giải thích Đại Pháp sư ở sau mà thôi. Lại dùng bảy điều lành để giải thích, tức biết ngã năng trì giới, năng nói pháp Đại thừa, lại biết Trung đạo nên gọi là Đại Pháp sư.

Từ câu “Thế nào v.v...” trở xuống là chương thứ tư giải thích mười hiệu.

Tiếng Phạm là Đa-đà-a-già-độ, xưa dùng một nghĩa nương Đạo như thật. Lại thành Chánh giác để giải thích Như Lai. Thích luận dùng bốn nghĩa để giải thích, đó là: Như Lai, Như Khứ, Như Giải, Như Thuyết.

Tức nương vào chư Phật ba đời học mười hai thể loại kinh, tu tập mười một không mà thành Chánh giác, nên gọi là Như Lai. Xa lìa sinh tử, không bao giờ còn các pháp ác nên gọi là Như Khứ. Như như mà

hiểu, Như như mà nói cũng là nói điều mình hiểu, hiểu điều mình nói. Trong đó có ba phần giải thích: Phần đầu và cuối là nói về nghĩa Như thuyết, phần giữa là nói về nghĩa Như Lai. Nghĩa Như Khứ nằm trong hiệu Thiện Thệ. Nghĩa Như Giải trong hiệu Thế Gian Giải.

Ứng, tiếng Phạm là A-la-ha, gồm ba nghĩa là Sát tặc, Bất sinh và Ứng cúng, trong đây chỉ nói Ứng, chẳng nói đến cúng. Có năm phần giải thích, được chia làm hai. Bốn phần trước dùng nghĩa Sát tặc để giải thích; một phần sau dùng nghĩa Ứng cúng để giải thích. Trước nói sát tặc gồm có cả bất sinh. Vì phá ấm ma nên có bất sinh.

Từ câu “Thế nào là v.v...” trở xuống là hiệu thứ ba gồm chánh giải thích và phản giải thích, thứ nhất như văn kinh.

Phạm gọi là Tam-miêu-tam Phật-đà. Đoạn văn có năm phần giải thích. Bốn phần trước là nói Phật khéo biết bốn pháp, vì đều nói là biến. Nói nhân khổ hạnh chắc chắn bị quả khổ tức nói khổ hạnh của ngoại đạo. Một phần sau là bác bỏ Tiểu thừa.

Từ câu “Thế nào là Minh Hành Túc v.v...” trở xuống là nói hiệu thứ tư.

Phạm ghi là Tỳ-di-già-la-na. Đoạn văn gồm có bốn phần giải thích. Một phần trước là y cứ theo nghĩa đối chân để giải thích; ba phần sau là y cứ theo nghĩa đây đủ để giải thích. Tất cả trước nêu thế gian để dụ, sau đó nêu Phật để hợp dụ. Nói minh là chú, Bát-nhã là chú Đại Minh, nhờ chú mà giải ngộ tức Giải thoát. Nói Cát tức Bồ-đề, quả gọi là Niết-bàn, do Bồ-đề mà được Niết-bàn. Ba minh: Bồ-tát minh là nhân, Phật minh là quả. Vô minh minh có ba cách giải: Một, vô minh là hoặc, minh là giải, dùng minh giải để dứt hoặc vô minh nên gọi là vô minh minh. Hai, cảnh rớt ráo không, chẳng phải là minh và vô minh mà lại năng sinh ra minh và vô minh nên nói là vô minh minh. Ba, cho rằng đầu tiên phân biệt Bồ-tát và Phật mà giải thích khác nhau, sau nên vô minh minh giải thích chẳng khác nhau, Phật và Bồ-tát là vô minh minh, vô minh tức là minh.

Từ câu “Thế nào v.v...” trở xuống là hiệu thứ năm.

Thiện Thệ, tiếng Phạm là Tu-già-đà, Tu-già-độ. Đoạn văn gồm có ba phần giải thích, phần cuối cùng có pháp, dụ và hợp. Phần thứ nhất nói thiện là cao, tức nói về chỗ cao tốt; Thệ là chẳng cao, nghĩa là tuy ra khỏi sinh tử mà chẳng xả bỏ. Nói theo tâm Phật thì thiện tri thức là chỉ cho đạo phẩm.

Từ câu “Thế nào là Thế Gian Giải v.v...” trở xuống là hiệu thứ sáu.

Tiếng Phạm gọi là Lộ-già-bại. Thế gian có ba: Một, là năm ấm; hai, là chúng sinh; ba, là cõi nước. Đoạn này có sáu phần giải thích, tức sáu thế gian: Năm ấm, năm dục, cõi nước, chúng sinh, Phật là thế gian, thế là thế gian.

Từ câu “Vì sao gọi là v.v...” trở xuống là hiệu thứ bảy.

Tiếng Phạm là Phú-lâu-sa, có năm lần lại nữa, nêu lên nghĩa dứt hoặc và chẳng dứt hoặc. Văn ghi: “Thế nhập Đại Niết-bàn chẳng mới chẳng cũ”, trong đó chữ Phật đã thành gọi là cũ, chúng sinh sẽ thành gọi là mới. Không cũ không mới tức không có quá khứ, vị lai. Đó là thuận theo lý mà thế đạt. Nếu theo duyên thì nói có cũ có mới, quá khứ vị lai.

Từ câu “Thế nào gọi là v.v...” trở xuống là hiệu thứ tám. Tiếng Phạm gọi là Đàm-miêu-ba-la-đề. Trước nói về Trượng Phu, sau nói về Điều Ngự. Nói về Trượng Phu có hai: Trước nói về Năng điều, có hai chương.

Năng điều là Như Lai, sở điều là chúng sinh. Sau là giải thích hai chương. Từ câu “Như Lai thật v.v...” trở xuống là giải thích Năng điều.

Thật chẳng phải Trượng phu, phương tiện thị hiện năng điều phục Trượng phu.

Từ câu “tất cả nam nữ v.v...” trở xuống là giải thích Trượng phu điều phục.

Có đủ bốn pháp mới được gọi là Trượng phu, nếu không có bốn pháp thì hành động súc sinh. Đại luận cũng nói: “Nai đầu người, người đầu nai”.

Như điều khiển ngựa, tức là dùng bốn cách giải thích việc điều phục chúng sinh lợi độn khác nhau. Nếu gặp con ngựa nhanh nhẹn thì vừa thấy bóng roi liền chạy, còn con ngựa chậm chạp thì phải nặng tay làm đánh thấu xương mới vâng theo. Người lợi căn, vừa nghe nói sinh liền lãnh thọ; người độn căn phải nói đến già chết mới chịu nghe. Như Đại Luận nói về chôn hoang sống trong rừng.

Từ câu “Thế nào là v.v...” trở xuống là hiệu thứ chín.

Tiếng Phạm gọi là Xá-đa-đề-bà-ma-nâu-xá-nấm. Toàn đoạn văn gồm mười hai lần lại nữa: hai lần lại nữa đầu tiên là giải thích Sư; năm lần lại nữa kế tiếp là giải thích Thiên, đồng thời y theo thắng nghĩa để giải thích Thiên; bốn lần lại nữa kế tiếp là giải thích Nhân, nói kiêu mạn nhưng chẳng phải kiêu mạn, vì muốn lập chí Trượng phu, che chở giữ gìn Tam bảo, phá trừ tâm mạn; một phần sau cùng giải thích chung

Thiên Nhân Sư.

Từ câu “Thế nào là Phật v.v...” trở xuống là giải thích hiệu thứ mười. Trước giải thích danh sau khen ngợi đức.

Tiếng Phạm gọi là Phật-đà-da, Hán dịch là Giác, Giác Ngộ. Trước nói Duyên giác cũng đồng với ý này. Cho nên âm Giác là đúng, như Bích-chi-phật dịch là Độc giác mà chẳng nói là Độc giáo. Có thuyết cho rằng Tự giác, Giác tha lại là Tha giác. Việc này quá phiền phức.

Từ câu “Bà-già-bà” trở xuống là giải thích hiệu thứ mười một; có chỗ cho rằng từ Thế Tôn này kia đây khác nhau. Vì sao? Vì trước nêu chương thì ghi là Thế Tôn, đến khi giải thích thì gọi là Bà-già-bà, nên biết như thế. Nghĩa này e chẳng phải. Vì Thế Tôn, tiếng Phạm gọi là Lộ-ca-na-tha. Ngài Long Thọ dịch Bà-già-bà gồm bốn nghĩa là phá phiền não, có công đức, khéo phân biệt và có tiếng tăm tốt. Ở đây đầy đủ bốn nghĩa: phần thứ nhất là giải thích phá phiền não, phần thứ hai giải thích công đức, phần thứ ba giải thích khéo léo phân biệt; phần thứ tư có tiếng tăm tốt.

Đầu tiên giải thích phá phiền não rất dễ hiểu. Kế là từ câu “rất dễ hiểu v.v...” trở xuống là giải thích có công đức. Thứ ba từ câu “Khéo hiểu v.v...” trở xuống là giải thích khéo phân biệt. Thứ tư từ câu “Có tiếng tăm lớn v.v...” trở xuống là giải thích có tiếng tăm tốt. Ba phần khác còn lại là giải thích công đức. Công đức là y cứ theo bên trong; còn Thế Tôn là được thế gian tôn kính tức y cứ bên ngoài. Nay dùng Bà-già-bà thay thế cho Thế Tôn chứ chẳng phải Bà-già-bà là Thế Tôn. Văn gồm hai nghĩa: thứ nhất gồm bảy phần giải thích bốn nghĩa; thứ hai gồm một phần là khuyến tu.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là đoạn thứ hai, nghĩ nhớ đến nhân Phật, tức muốn nói về được quả là phải tu nhân từ xa lắm. Văn có hai là nêu lên và giải thích.

Giải thích, trước nói lấy sáu Độ, bốn Đẳng làm nhân.

Sau nói lấy năm mươi nhân là tâm.

Tâm vô vi chẳng phải tâm thường trụ mà chính là tâm không làm ra. Không tâm, chẳng có không tâm, cả hai đều xả bỏ, chẳng những chỉ không tâm mà cũng không cả không tâm.

Không có tâm vô ký. Quang Trạch cho rằng quả Phật thường trụ có hai vô ký là tri giải vô ký và quả báo vô ký, như thế là trái với kinh này. Vì khi tu nhân chẳng còn có vô ký thì quả Phật làm sao có vô ký. Không tâm cầu báo tức chẳng cầu quả báo. Tâm chẳng trụ tức tâm không chấp đắm, tâm vô thường tức không có chấp nhất định. Tâm

hiều ít tức không hậu đãi người này, bực đãi người kia. Tâm giới tri là phân biệt các pháp, mỗi pháp đều có giới phần, sinh ra giới tri tâm, tức là cõi sinh diệt. Trụ giới tri tâm tức biết cõi thường trụ bất diệt. Tự tại giới tâm là đối với thường vô thường đều chẳng trụ mà thông đạt tự tại. Sinh giới tức biết tục, trụ giới là biết chân, tự tại là biết trung.

Từ câu “Thế nào v.v...” trở xuống là niệm thứ hai.

Các sư xưa cho rằng trước là niệm pháp biệt thể. Từ câu “Chỉ có chánh pháp này v.v...” trở xuống là niệm pháp nhất thể.

Ở đây, chẳng phải như thế, vẫn nói trên hết, nhiệm mầu nhất, “khiến cho chúng sinh được quả hiện tại”, nếu y cứ theo Tạng, Thông thì chỉ đạt quả hiện tại mà chẳng thượng diệu, còn theo biệt thì chỉ được thượng diệu mà chẳng phải là quả hiện tại, phải tu trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp mới đạt được. Chỉ có viên mới vừa thượng diệu, vừa được quả hiện tại. Cho nên biết đó là pháp Nhất thể của Viên giáo.

Từ câu “Thế nào v.v...” trở xuống là thứ ba.

Các sư xưa cũng cho rằng trước là nói Tăng biệt thể sự hòa; Từ câu “Chẳng thể thấy v.v...” trở xuống là Tăng nhất thể lý hòa. Ở đây chẳng phải như thế. Văn kinh ghi: Thọ pháp chánh trực, Ba giáo chẳng phải trực pháp, chỉ có Tăng Viên giáo mới thọ pháp chánh trực.

Kinh ghi: Tuy không có hình sắc mà có khả năng hộ trì. Có chỗ cho rằng đó là giới vô tác. Vốn có ba cách giải thích: một, là Tăng bộ cho rằng không có sắc vô tác nên vốn không có vô tác, vô tác cũng vô sắc, nhưng có tâm để hộ trì; hai, bộ Tát-bà-đa cho rằng vô tác là sắc. Các sư Số Luận theo thuyết này cho nên nói vốn có vô tác mà lại có sắc, vì sắc này chẳng phải chất ngại, mà lại có giả sắc vô biểu, nên có thể hộ trì; ba, là bộ Đàm-vô-đức giải thích được các sư Thành Thật sử dụng, cho rằng vô tác chẳng phải sắc, chẳng phải tâm.

Các thuyết trên thuộc về Tiểu thừa, đều tạo ra sự tranh luận về hữu vô mà thôi. Trong Đại thừa không nói về việc này, nên vẫn trên có ghi: “Pháp hữu lậu có hai loại là sắc và phi sắc, pháp phi sắc là tâm và tâm sở; sắc pháp là đất, nước, lửa, gió”. Như thế thì lúc nào mà có sắc vô tác?

Từ câu “Thế nào là niệm thí v.v...” trở xuống là niệm thứ năm.

Đó là tu tập nhân lành.

Tạp Hoa, kinh Quán Phật Tam-muội Hải nói rằng: “Trong kinh Tạp Hoa, ta đã vì Phổ Hiền, Hiền Thủ, v.v... mà nói”. Trung Quốc không có kinh Tạp Hoa, chỉ có kinh Hoa Nghiêm. Có chỗ cho rằng có một bản kinh Tạp Hoa khác chưa truyền đến nước này. Có một thuyết

cho rằng kinh Tạp Hoa mà kinh Quán Phật Tam-muội nói là kinh Hoa Nghiêm.

Từ câu “Thế nào là v.v...” trở xuống là niệm thứ sáu.

Có chỗ cho rằng đương quả là Đệ nhất nghĩa thiên. Ở đây chẳng đúng, vì niệm chung các vị trời chính là niệm trời, chứ chẳng phải đương quả. Đương quả thiên và Phật quả nói ở trước chẳng khác nhau, đó chính là niệm chung cảnh giới thiên ở thế gian này, nhưng tùy theo nghĩa mà đặt tên là Thiên.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là đoạn lớn thứ hai, khen ngợi kinh, gồm có hai phần: Một, là từ đây đến hết quyển là khen ngợi kinh năng sinh điều lành; hai, là hai quyển sau là khen ngợi năng diệt ác. Văn sinh ra điều lành có ba: Một, là chánh khen ngợi kinh; hai, là khen ngợi người hoằng kinh; ba, là khen ngợi hưng suy. Ba đoạn này theo thứ lớp đầu tiên do năm hạnh mà hiển bày đạo, kế đó lại có người quên thân để mở mang đạo pháp, vì có người hoằng thì đạo hưng thịnh, không người hoằng thì đạo suy vi.

Thứ nhất, chánh thức khen ngợi kinh, có hai ý là Như Lai khen ngợi và Ca-diếp nhận lãnh ý chỉ.

Trong phần Đức Phật khen ngợi có nói: “Mười hai thể loại kinh chẳng bằng”, có hai cách giải thích: Một, là mười hai thể loại kinh của Tiểu thừa; hai, là cho rằng mười hai thể loại kinh của Đại thừa cũng chẳng bằng Niết-bàn, Đại thừa Phương Đẳng đương cơ nên cao quý hơn. Và lại, trong Niết-bàn thì có mười hai thể loại kinh, còn trong mười hai thể loại chưa hẳn đã có Niết-bàn, cho nên cao siêu hơn. Nay nói Viên kinh cao siêu hơn mười hai thể loại kinh.

Từ câu “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là nhận lãnh, tin hiểu.

Từ câu “Bạch Đức Thế Tôn v.v...” trở xuống là ý thứ hai khen ngợi người mở mang giáo pháp. Văn có ba: Một, là hỏi; hai, là nhận đáp; ba, là nhận lãnh tin hiểu. Thứ nhất là hỏi như kinh có ghi.

Thứ hai là đáp. Đức Phật khen ngợi Bồ-tát có mười ba điều chẳng thể nghĩ bàn:

- Có khả năng phát tâm.
- Chịu khổ sinh tử.
- Chịu khổ địa ngục.
- Không bao giờ lui sụt.
- Vượt qua biển sinh tử.
- Xứng lượng với sinh tử.
- Có khả năng giảng nói về thường trụ.

- Sinh tử chẳng làm nào loạn được.
- Ở trong thai mà chẳng loạn.
- Không tham tiếc pháp.
- Xa lìa mười điều ác.
- Quên công dụng.

Chẳng thể nghĩ bàn, xưa giải thích rằng: “Mọi người chẳng thể biết được”. Nghĩa này chẳng đúng, vì như việc nhân gian chẳng biết, há có thể lấy đây mà làm hoặc loạn ý Hiền thánh ư? Nay nói ba Đế tương tức, chẳng thể dùng một hai ba để so lường, vì đó là chỗ tâm hành bật, cũng chẳng thể dùng ba hai một mà hiển bày, vì đường ngôn ngữ đứt. Tuy nêu mười ba, nhưng thật chẳng phải số này mà gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Nói “Không nhờ người giáo hóa mà tự phát tâm”, tức duyên chân mà phát tâm thì rơi vào Thanh văn, đứng ra phải có người giáo hóa. Nếu duyên tục mà phát tâm thì rơi vào phân biệt nên phải có cảnh giáo hóa, đều chẳng được chẳng thể nghĩ bàn. Nếu duyên Trung đạo, ba Đế tức nhau thì chẳng phải chân tục, chẳng theo người và cảnh, nên nói không nhờ người giáo hóa. Thấy rõ Phật tánh nên gọi là tự phát tâm, chẳng xen lẫn gọi là Tinh, nhập lưu gọi là Tấn. Nói địa ngục là nêu quả sinh tử, nói các kết sử là nêu nhân sinh tử. Nhiều kiếp bị nhân quả này đốt cháy, nay thấu suốt sinh tử tức là Niết-bàn, thấu suốt các kết sử tức là Bồ-đề, chẳng phải hai bên, nên gọi là động tĩnh như một. Vì chẳng hoại nên gọi là quyết định. Đốt cháy thân, đập nát đầu đều là chánh đạo. Bên trong chẳng bỏ đạo, bên ngoài chẳng cầu cứu, đó là y cứ theo ba Đế phát tâm nói chẳng thể nghĩ bàn, đồng với ý phát tâm nói trong chỉ quán.

Chẳng thể nghĩ bàn thứ hai.

Văn ghi: “Thấy sinh tử có vô lượng tội khổ, hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể nghĩ bàn, chẳng sinh nhằm chán”. Nghĩa là Nhị thừa chỉ biết một ít phần đoạn mà chẳng biết lỗi lầm của biến dịch, còn Bồ-tát thì biết hơn thế, cho nên nói Nhị thừa chẳng bằng. Ngay nơi tục mà chân, trung nên nói chẳng nhằm chán; ngay nơi trung mà chân tục nên nói chẳng xa lìa. Y cứ theo trí ba Đế mà nói về chẳng thể nghĩ bàn, đồng với ý nghĩa an tâm nói trong chỉ quán.

Chẳng thể nghĩ bàn thứ ba là nói chịu khổ ở địa ngục mà vui như Đệ Tam thiên, văn này quá lược, lẽ ra phải nói là: “Chịu khổ trong ba cõi vui như ở trong Niết-bàn”. Đây là y cứ theo các chứng của ba Đế để nói về chẳng thể nghĩ bàn, đồng với ý nghĩa thông bát trong chỉ quán,

cũng giống như tâm Đại từ.

Chẳng thể nghĩ bàn thứ tư. Văn ghi: “Như vị Trưởng giả cứu các con”. Trong đó, nhà dụ cho Trung đạo nên nói là quay trở vào; đốt cháy dụ cho tục đế nên nói là lửa cháy; Ra khỏi dụ cho chân nên nói là ra khỏi nhà. Đây là y cứ theo hạnh ba Đế nói về chẳng thể nghĩ bàn đồng với tâm ý chân chánh đại bi nói trong Chỉ quán.

Chẳng thể nghĩ bàn thứ năm, văn ghi: “Thấy các chúng sinh, nhằm chán lỗi sinh tử mà lui sụt thành Nhị thừa. Bồ-tát chẳng như thế, biết sinh tử là thường, nên chẳng thấy các tội khổ, biết Niết-bàn là gần, nên chẳng chấp lấy Tiểu thừa”. Đây là y cứ theo chứng ba Đế nói về chẳng thể nghĩ bàn, đồng với ý của Đạo Phẩm nói trong Chỉ quán.

Chẳng thể nghĩ bàn thứ sáu nói bậc thánh có thần thông dụ cho trí thể pháp, Tu-la cao lớn dụ cho trí thứ tư. Người không có hai hạng mà vượt qua được là dụ cho trí Viên giáo, chẳng có thần thông, chẳng phải trí thứ tư tức thuộc về viên trí. Đây là y cứ theo giai vị ba Đế để nói về chẳng thể nghĩ bàn, đồng với ý thứ vị trong Chỉ quán.

Chẳng thể nghĩ bàn thứ bảy, văn kinh nói: Tơ sen treo núi, một niệm mà so lường sinh tử, tức là tính biết vô lượng trong một, một trong vô lượng, chẳng phải một chẳng phải vô lượng”. Đây là y cứ theo pháp ba Đế để nói về chẳng thể nghĩ bàn, đồng với ý của Cảnh mâu nhiệm trong Chỉ quán.

Chẳng thể nghĩ bàn thứ tám, văn ghi: “Không có thường, lạc, ngã mà nói thường, lạc, ngã”, tức là tùy bệnh mà cho thuốc, giúp cho thể hội được. Đây là y cứ theo giáo ba Đế để nói về chẳng thể nghĩ bàn đồng với ý nghĩa đối trị trong chỉ quán.

Đại Bồ-tát tuy bị sinh tử não hại, vì thế gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Chẳng thể nghĩ bàn thứ chín, văn nói: “Chẳng bị chìm đắm chẳng bị đốt cháy, nghĩa là tuy ở trong sinh tử mà chẳng bị sinh tử làm hại”.

Chẳng thể nghĩ bàn thứ mười, văn ghi: “Trụ thai mà chẳng loạn động”. Tức ở trước nói là chết mà chẳng phải diệt, ở đây nói ở trong thai mà chẳng phải sinh, đây là y cứ theo quả Báo ba Đế mà nói về chẳng thể nghĩ bàn, đồng với ý nghĩa an nhẫn trong Chỉ quán.

Chẳng thể nghĩ bàn thứ mười một, văn nói Bồ-đề và tâm đều chẳng thể nói mà lại nói không hề bỏn sẻn. Đây là y cứ theo nói năng và im lặng của ba Đế để nói về chẳng thể nghĩ bàn, đồng với ý nghĩa thông bát của Chỉ quán.

Chẳng thể nghĩ bàn thứ mười hai, văn nói: “Từ thân mà lìa thân

v.v...”, Là y cứ theo nghiệp của ba Đế mà nói về chẳng thể nghĩ bàn, đồng với phá pháp biến trong chỉ quán.

Chẳng thể nghĩ bàn thứ mười ba, kinh nói: Cuối cùng chẳng thể nói ta phá phiền não. Đây là y cứ theo không năng của ba Đế để nói về chẳng thể nghĩ bàn, đồng với ý nghĩa lia ái của Chỉ quán.

Kinh này nói Bồ-tát mới phát tâm chưa nhập vị là chẳng thể nghĩ bàn, tương ứng với mười quán của Bồ-tát Viên giáo trong Chỉ quán. Vì thế dùng để giải thích. Văn này nói: “Tuệ chẳng phá được, lửa chẳng đốt được”. Văn kia nói: “Thật pháp như thế, vốn là dùng thật tuệ”. Vì là nhất tâm nên chẳng thể phá. Pháp nối nhau tức hai tâm, trước diệt thì sau khởi, nên phá được hoặc lại trừ cả tuệ. Nếu dứt hoặc rồi thì không có chỗ để trừ diệt. Cho nên đối với thật pháp chẳng thể dứt. Nhưng trong đây khen ngợi Bồ-tát mở mang kinh, đâu cần phải giả thật, chỉ suy cầu tuệ không thật có nên nói là tuệ chẳng thể phá, thí như cầu tham si không thật có nên không có tham, si. Lại sinh là diệt rồi sinh, diệt chẳng phải diệt, diệt là sinh rồi diệt nên sinh chẳng phải sinh. Nếu sinh là thường sinh thì lẽ ra chẳng diệt; nếu diệt là thật diệt thì lẽ ra diệt chẳng diệt. Các pháp đều như thế, trong đó khen ngợi tất cả pháp đều vô sở hữu, trí tuệ cũng giống như thế, chẳng tồn tại tướng trạng.

Thứ ba, từ câu “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là phần tin hiểu. Như văn kinh có ghi.

Từ câu “Bạch Thế Tôn v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba, khen ngợi hưng suy, có bốn phần hỏi đáp: một, là chánh pháp của Đức Thích Tôn; hai, là pháp của Phật Ca-diếp; ba, là pháp của chư Phật; bốn, là kết luận pháp của Đức Thích Tôn.

Thứ nhất là đáp có hai: trước nói tu năm hạnh thì hưng, nhiều người phạm giới thì suy.

Từ câu “Ca-diếp lại bạch v.v...” trở xuống là thứ hai, nói về pháp Phật Ca-diếp, có hỏi và đáp. Hỏi có hai câu, trước là lãnh chỉ, sau là hỏi.

Kinh Hiền Kiếp ghi: “Chánh pháp của Phật Ca-diếp trụ thế hai mươi năm”. Nay nói bảy ngày là vì sao?

Đáp: Thời gian bảy ngày không khác với thời gian Phật tại thế, sau bảy ngày thì Phật pháp suy đồi chẳng bằng lúc Phật tại thế. Nói hai mươi năm là nêu thời gian trụ thế ngắn ngủi.

Từ câu “Ca-diếp Như Lai v.v...” trở xuống là hỏi. Trước là hỏi có hay không. Sau là hỏi hai ý.

Đức Phật đáp, có hai ý: Một, là nói chung có diệt mà chẳng diệt;

hai, là trả lời. Thứ nhất lại có hai: Một là Đức Phật cho phép; hai là đáp.

Nói chỉ có ngài Văn-thù hiểu được, tức nói về bài kệ xưa có nay không, muốn hiển bày diệt mà chẳng diệt, chẳng diệt mà diệt.

Đáp chung theo văn rất dễ hiểu.

Từ câu “Lúc trước v.v...” trở xuống là đáp. Văn có bốn đoạn: một, là nói Phật xưa có kinh; hai, là Pháp thật chẳng diệt; ba, là Phật nay đối luận; bốn, là Pháp thật chẳng diệt. Thứ nhất từ câu “Thời Phật Ca-diếp v.v...” trở xuống là thứ hai, chẳng cần giảng nói.

Từ câu “Chúng sinh đời này v.v...” trở xuống là nói đối với Phật hôm nay.

Từ câu “Thà rằng nói v.v...” trở xuống là thứ tư, nói về Pháp bảo chẳng diệt.

Từ câu “Nếu Phật v.v...” trở xuống là thứ ba, nói chung về pháp của tất cả chư Phật, có sáu cặp đối luận. Thứ nhất là một cặp hiểu nghĩa chẳng hiểu nghĩa.

Thứ hai, có đàn-việt và không có đàn việt.

Thứ ba, vì lợi chẳng vì lợi.

Thứ tư, sinh ra tranh luận và chẳng sinh ra tranh luận.

Thứ năm, nói lỗi và chẳng lỗi.

Thứ sáu, lập các thuyết và chẳng lập các thuyết.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là đoạn thứ tư, kết luận về pháp của Phật Thích-ca. Văn có ba đoạn:

Nói về sắc diệt khởi tranh luận.

Phật pháp ở nước Câu-diêm-di diệt.

Đại chúng buồn than.

Văn đầu tiên như phẩm Ca-diếp có nói Lạc-sa. Hà Tây cho rằng lạc-sa lấy từ cây Ba-la-sa. Cây này sinh ra thuần là trùng, người nước ngoài dùng làm thuốc nhuộm lông thú.

Từ câu “Bấy giờ vv...” trở xuống là thứ hai, nói về nguyên nhân Phật pháp diệt.

Do sáu trăm Tỳ-kheo tranh luận làm hại nhau dẫn đến diệt tận.

Từ câu “Bấy giờ ở Câu-thi, v.v...” trở xuống là đoạn ba, đại chúng buồn than. Lại có ba ý: Một, đại chúng buồn than; hai, là Ca-diếp an ủi; ba, là đại chúng thôi buồn và phát tâm.

Nghe diệt độ thì buồn, nghe chẳng diệt độ thì thôi buồn, đã đạt được diệt, chẳng phải chẳng diệt thì liền phát tâm. Cho nên chẳng diệt chẳng phải chẳng diệt mà diệt mà chẳng phải diệt là làm lợi ích lớn.

